

Soạn Looking Back trang 34 Unit 8 Tiếng Anh lớp 10 mới

1. Listen and repeat.(Nghe và lặp lại.)

Bài nghe:

Three-syllable adjectives	Three-syllable verbs
adjective, electric	graduate, develop
effective, wonderful	continue, consider
convenient, similar	dedicate, recommend

2. Listen again and put a mark (') before the stressed syllable.(Nghe lại và đặt dấu ' trước âm tiết nhấn.)

Bài nghe:

Three-syllable adjectives	Three-syllable verbs
'adjective, e'lectric	'graduate, de'velop
e'ffective, 'wonderful	con'tinue, con'sider
con'venient, 'similar	'dedicate, recom'mend

1. Complete the text with the appropriate words from the box.(Hoàn thành bài văn với những từ phù hợp có trong khung.)

(1) d. electronic (2) e. learning (3) b. dictionary

(4) c. technology (5) f. advantage (6) a. devices

Hướng dẫn dịch:

Từ điển điện tử hiện nay phổ biến trong các lớp học tiếng Anh. Chúng có thể rất dễ tải về thiết bị điện tử cá nhân của bạn mà bạn có thể mang theo với bạn đến mọi nơi. Công nghệ mới này thật tuyệt, nhưng nó có thể ảnh hưởng đến việc học của bạn. Người ta có thể nghĩ một từ điển là cách tốt nhất để học từ mới. Thực tế, việc học từ mới bằng cách dịch ra làm chậm đi quá trình học của bạn. Từ điển chỉ nên được sử dụng khi tất cả những cách tìm ra nghĩa đã thất bại. Có những cách khác để hiểu từ vựng mới, như là nhìn vào những thành phần của từ hoặc sử dụng ngữ cảnh để đoán nghĩa. Công nghệ hiện đại đã thâm nhập vào cuộc sống của bạn và bạn nên cố gắng tận dụng nó. Từ điển điện tử trong những thiết bị di động là một công cụ học tập rất hay, nhưng bạn cũng cần nghĩ đến cách sử dụng chúng hiệu quả.

2. In pairs, ask and answer the following questions.(Làm theo cặp, hỏi và trả lời những câu hỏi sau.)

Hướng dẫn dịch:

1. Làm sao chúng ta có thể sử dụng từ điển điện tử?

2. Tại sao việc học từ mới với một từ điển không phải là cách tốt nhất?

3. Chúng ta nên làm gì khi công nghệ hiện đại thâm nhập vào cuộc sống của chúng ta?

1. We can easily download them into your personal electronic device we can carry with us everywhere. (Chúng ta có thể dễ dàng tải chúng vào những thiết bị điện tử cá nhân mà chúng ta có thể mang theo chúng ở mọi nơi.)

2. Because learning new vocabulary by translating slows down the learning process. (Bởi vì việc học từ mới bằng cách dịch ra làm chậm đi quá trình học.)

3. We need to think how to use them effectively. (Chúng ta cần nghĩ ra cách sử dụng chúng hiệu quả.)

1. Use 'which', 'that', 'who' or 'whose' to fill in each gap. (Sử dụng "which", "that", "who" hoặc "whose" để điền vào chỗ trống.)

1. which 2. who 3. which
4. whose 5. who 6. whose

Hướng dẫn dịch:

1. Căn nhà mà cha tôi đã xây thì to.
2. Thầy Xuân Trường, người là giáo viên đầu tiên của tôi, đã nhận được một giải thưởng cho việc dạy học xuất sắc.
3. Công cụ truyền thông, mà tôi thường sử dụng để thực hành tiếng Anh, có vài ứng dụng hay.
4. Đó là Peter, người mà cha anh ấy vừa trở về từ Philipines.
5. Người phụ nữ mà bạn vừa nói chuyện là giáo viên tiếng Anh yêu thích của tôi.
6. Người mà công việc của họ liên quan đến việc sử dụng một máy tính hầu như cả ngày có thể bị bệnh đau đầu.

2. Combine each pair of sentences into one. Use comma(s) if necessary. (Kết hợp mỗi cặp câu thành một. Sử dụng dấu phẩy (,) nếu cần thiết.)

1. Shakespeare, whose birthplace was Stratford-upon-Avon, was a famous playwright. (Shakespeare người mà sinh ra ở Stratford-upon-Avon, là một nhà viết kịch nổi tiếng)
2. His grandmother, who was a hard-working woman, had a great influence on his life. (Bà anh ấy, người mà là một người phụ nữ chăm chỉ, đã có tác động lớn đến cuộc sống của anh ấy.)
3. Tom has hundreds of books, which are all on foreign languages. (Tom có hàng trăm quyển sách mà là bằng ngôn ngữ nước ngoài cả.)
4. Lan is interested in physics, which I don't like. (Lan quan tâm đến vật lý, môn học mà tôi không thích.)

5. I will always remember the teacher who taught me how to read and write. (Tôi sẽ luôn nhớ người giáo viên mà đã dạy tôi đọc và viết.)
6. The girl whose electronic dictionary broke down looked very upset. (Cô gái mà từ điển điện tử của cô ấy bị hư trông rất bức bối.)